

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2181/UBND-NNTN**

Quảng Ngãi, ngày **20** tháng 4 năm 2018

V/v bổ sung vào bản đồ  
Kế hoạch sử dụng đất  
năm 2017 đối với các thửa đất  
chuyển mục đích sử dụng đất  
phải xin phép của hộ gia đình,  
cá nhân trên địa bàn  
thành phố Quảng Ngãi

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: ..... 3339 .....
	Ngày: ..... 20.14.18 .....
	Chuyển: .....

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quảng Ngãi.

Xét đề nghị của UBND thành phố Quảng Ngãi tại Công văn số 1209/UBND ngày 06/3/2018 về việc bổ sung vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 thành phố Quảng Ngãi đối với các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép của hộ gia đình, cá nhân và Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1652/STNMT-QLĐĐ ngày 19/4/2018, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất bổ sung các vị trí chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 thành phố Quảng Ngãi, như sau:

Tổng số vị trí thửa đất: 11 vị trí, tổng diện tích 1.987,20 m<sup>2</sup>, loại đất HNK; trong đó:

- Phường Nghĩa Lộ: Có 04 vị trí, diện tích 778,30 m<sup>2</sup>, loại đất HNK.
- Phường Trần Phú: Có 04 vị trí, diện tích 578,20 m<sup>2</sup>, loại đất HNK.
- Phường Trần Hưng Đạo: Có 01 vị trí, diện tích 35,3 m<sup>2</sup>, loại đất HNK.
- Phường Chánh Lộ: Có 01 vị trí, diện tích 99,50 m<sup>2</sup>, loại đất HNK.
- Xã Nghĩa Dũng: Có 01 vị trí, diện tích 495,9 m<sup>2</sup>, loại đất HNK.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

2. UBND thành phố Quảng Ngãi cập nhật các vị trí thửa đất nêu trên vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của thành phố Quảng Ngãi; đồng thời chịu trách nhiệm việc đăng ký bổ sung các vị trí chuyển mục đích thực hiện trong năm kế hoạch.

3. Các vị trí cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo gắn kết với hạ tầng, kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, không làm ảnh hưởng đến việc phát triển quỹ đất tập trung đối với các dự án của tỉnh, của thành phố.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi và hướng dẫn UBND thành phố Quảng Ngãi triển khai thực hiện đúng quy định.

Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Quảng Ngãi triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CNXD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh280).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tăng Bính**

**Phụ lục:**

**DANH MỤC CÁC VỊ TRÍ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT  
CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH  
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 CỦA THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**



theo Công văn số 2181/UBND-NNTN ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh)

**1. Phường Nghĩa Lộ**

1. Thửa đất số 293, diện tích 209,3 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 44, bản đồ đo đạc năm 2016, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 42/TTQH-QLĐT ngày 26/02/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671312.18	585597.87	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 293, tờ bản đồ số 44 (đo vẽ năm 2016), phường Nghĩa Lộ
2	1671318.79	585603.97	
3	1671314.98	585606.84	
4	1671310.83	585609.97	
5	1671308.38	585611.81	
6	1671303.98	585615.12	
7	1671299.58	585618.44	
8	1671297.85	585615.57	
9	1671294.62	585610.22	
10	1671302.67	585604.54	

2. Thửa đất số 204, diện tích 258 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 44, bản đồ đo đạc năm 2016, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 47/TTQH-QLĐT ngày 26/02/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671318.79	585603.97	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 204, tờ bản đồ số 44 (đo vẽ năm 2016), phường Nghĩa Lộ
2	1671323.67	585608.47	
3	1671330.29	585614.59	
4	1671321.36	585623.52	
5	1671317.53	585627.35	
6	1671316.68	585625.91	
7	1671308.38	585611.81	
8	1671310.83	585609.97	
9	1671314.98	585606.84	

3. Thửa đất số 202, diện tích 194,5 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 21, đo đạc năm 2016, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 46/TTQH-QLĐT ngày 26/02/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1672221.30	584787.89	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 202, tờ bản đồ số 21 (đo vẽ năm 2016), phường Nghĩa Lộ
2	1672221.31	584792.91	
3	1672182.79	584794.60	
4	1672182.13	584789.64	

4. Thửa đất số 107, diện tích 116,5 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 49, bản đồ đo đạc năm 2016, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 59/TTQH-QLĐT ngày 27/02/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671153.71	585281.30	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 107, tờ bản đồ số 49 (đo vẽ năm 2016), phường Nghĩa Lộ
2	1671153.83	585281.44	
3	1671165.63	585295.83	
4	1671169.25	585300.09	
5	1671169.69	585300.58	
6	1671166.84	585303.87	
7	1671166.56	585303.53	
8	1671148.54	585282.11	
9	1671148.46	585282.02	

## II. Phường Trần Phú

1. Thửa đất số 4, diện tích 257 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 27, đo đạc năm 2016, Phường Trần Phú (tại Công văn số 51/TTQH-QLĐT ngày 27/02/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1672992.66	584644.77	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 4, tờ bản đồ số 27 (đo vẽ năm 2016), Phường Trần Phú
2	1672998.22	584645.60	
3	1673004.17	584646.52	
4	1673003.35	584651.63	
5	1673003.69	584654.80	
6	1673003.71	584658.35	
7	1673006.56	584659.09	

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
8	1673007.02	584660.17	
9	1673010.80	584665.44	
10	1673010.55	584665.74	
11	1673007.62	584665.36	
12	1672990.32	584663.11	

2. Thửa đất số 124, diện tích 109 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 13, đo đạc năm 2016, Phường Trần Phú (tại Công văn số 54/TTQH-QLĐT ngày 27/02/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1673312.12	584600.21	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 124, tờ bản đồ số 13 (đo vẽ năm 2016), Phường Trần Phú
2	1673299.49	584599.74	
3	1673299.71	584589.77	
4	1673308.81	584590.00	

3. Thửa đất số 134, diện tích 108,5 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 13, đo đạc năm 2016, Phường Trần Phú (tại Công văn số 53/TTQH-QLĐT ngày 27/02/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1673314.58	584607.82	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 134, tờ bản đồ số 13 (đo vẽ năm 2016), Phường Trần Phú
2	1673299.32	584607.74	
3	1673299.49	584599.74	
4	1673312.12	584600.21	

4. Thửa đất số 164, diện tích 103,7 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 13, đo đạc năm 2016, Phường Trần Phú (tại Công văn số 52/TTQH-QLĐT ngày 27/02/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1673316.58	584614.00	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 164, tờ bản đồ số 13 (đo vẽ năm 2016), Phường Trần Phú
2	1673299.17	584614.24	
3	1673299.32	584607.74	
4	1673314.58	584607.82	

### III. Phường Chánh Lộ

1. Thửa đất số 93, diện tích 99,5 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 18, đo đạc năm 2016, phường Chánh Lộ (tại Công văn số 49/TTQH-QLĐT ngày 27/02/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671883.33	586408.21	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 93, tờ bản đồ số 18 (đo vẽ năm 2016), phường Chánh Lộ
2	1671903.24	586410.07	
3	1671902.47	586415.00	
4	1671882.55	586413.12	

### IV. Phường Trần Hưng Đạo

1. Thửa đất số 39, diện tích 35,3 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6, đo đạc năm 2016, Phường Trần Hưng Đạo (tại Công văn số 37/TTQH-QLĐT ngày 26/02/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1672991.52	585498.20	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 39, tờ bản đồ số 6 (đo vẽ năm 2016), Phường Trần Hưng Đạo
2	1672995.09	585501.70	
3	1672988.12	585505.77	
4	1672986.24	585506.87	
5	1672988.85	585498.57	

### V. Xã Nghĩa Dũng

1. Thửa đất số 588, diện tích 495,9 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6, đo đạc năm 2016, xã Nghĩa Dũng (tại Công văn số 48/TTQH-QLĐT ngày 27/02/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671495.66	588544.86	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 588, tờ bản đồ số 6 (đo vẽ năm 2016), xã Nghĩa Dũng
2	1671495.67	588547.61	
3	1671495.64	588547.87	
4	1671494.48	588556.59	
5	1671493.56	588562.17	
6	1671492.47	588567.40	
7	1671491.18	588573.22	
8	1671490.77	588574.32	

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
9	1671485.33	588574.01	
10	1671478.71	588573.67	
11	1671473.58	588576.40	
12	1671478.68	588548.72	
13	1671479.31	588545.68	

./.